

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/ 6/ 2019

“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Lê Thị Huấn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Trương Thị D, sinh năm 1983; Địa chỉ: xóm 8, thôn N, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam;

* *Bị đơn:* anh Lê Văn L, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam

(Phiên tòa chị D vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Văn L vào ngày 12/3/2001 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L ham chơi cờ bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, thậm chí xảy ra đánh chửi nhau. Mặc dù chị đã chủ động điều chỉnh lối sống, sinh hoạt để tìm sự hòa hợp và được người thân khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm giữa hai vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn vẫn tồn tại. Vì vậy, vợ chồng chị sống ly thân nhiều lần, lần ly thân gần đây nhất là từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn L trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị D về điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị D trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc bình thường, sau hai lần anh đi chấp hành án tại trại giam vợ chồng anh vẫn sống, vẫn quan tâm đến nhau nhưng đến cuối tháng 10 năm 2017 sau khi anh đi chấp hành án về thì giữa hai vợ chồng anh mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D suốt ngày tụ tập, ăn chơi, khi anh góp ý kiến thì chị D không nghe dẫn đến vợ chồng thường xảy ra tranh cãi và chị D bỏ nhà anh đi, cũng từ đó dẫn đến vợ chồng anh sống ly thân nhiều lần rồi lại đoàn tụ, vài ngày, chị D lại bỏ đi về nhà mẹ đẻ ở B sinh sống. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, vì hiện tại anh vẫn yêu thương chị D.

Về con chung: Chị D và anh L cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thành L1, sinh ngày 17/4/2004. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Còn anh L có quan điểm khi ly hôn anh sẽ theo nguyện vọng của con muốn ở với ai là quyền của cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị D, anh L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị D, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Trương Thị D và anh Lê Văn L; về con chung: Giao anh L nuôi dưỡng cháu Lê Thành L1 từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết; về án phí HNGĐ sơ thẩm, chị D phải nộp 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị D vắng mặt, tuy nhiên chị D đã có đơn xin xử vắng mặt. Anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) để xét xử vắng mặt chị D, anh L tại phiên tòa.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị D và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký vào ngày 12/3/2001 là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do mỗi bên đưa ra quan điểm lý lẽ riêng của

mình, song cả chị D và anh L đã thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và cả hai đã sống ly thân nhiều lần (như chị D trình bày ly thân từ năm 2010, anh L cho rằng vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017) đến nay không quan tâm đến nhau. Việc anh L cho rằng anh vẫn yêu thương chị D, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh L không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục chị D rút đơn ly hôn về đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L cũng không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Do vậy, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng như hiện tại của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận cho chị Duyên được ly hôn anh Long là phù hợp thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thành L1, sinh ngày 17/4/2004. Khi ly hôn chị D đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có quan điểm khi ly hôn anh sẽ theo nguyện vọng của con muốn ở với ai là quyền của cháu. Tại bản tự khai cháu L1 có nguyện vọng ở với anh L. Do vậy, HĐXX cần giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 và quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị D, anh L không có yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa chị Trương Thị D và anh Lê Văn L.

2. *Về con chung*: Giao anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành L1, sinh ngày 17/4/2004 kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh L và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai số 0002978 ngày 29/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Báo cho chị D, anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện Duy Tiên.
- Chi cục THA huyện Duy Tiên.
- UBND xã M;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

